

NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC TRONG PHẬT GIÁO

ĐD. Thích Phước Nguyên*

1. TÓM TẮT

Giáo dục trong Phật giáo được xây dựng theo chính thể cấu trúc phân đôi: chân lý thường nghiệm (Skt. *saṃvṛti-satya*, tục đế) và chân lý siêu nghiệm (Skt. *paramārtha-satya*, chân đế), nghĩa là đi từ hiện thực đời sống của con người, từ những điều tai nghe mắt thấy, bằng kinh nghiệm ước lệ đó mà tiến đến những điều vượt trên tầm mức tư duy vật lý của đời sống.

Như vậy giáo dục trong Phật giáo luôn đảm bảo hai tiêu chí: tập quán nghĩa và tuyệt đối nghĩa, hay nói khác đi, giáo dục ấy không phải đập đổ những quy ước phổ thông của xã hội, nó chỉ định hình lại lối mòn mà thế gian suy nghiệm, những lý thuyết lệch lạc do tà kiến gặm nhấm, nói như các nhà luận sư A-tì-đàm, những gì mà đức Phật tuyên thuyết cho cuộc đời được gọi là “cùng lập kế ước” (thi thiết, Skt. *prajñapti*), dẫn dắt phàm tình tiến dần đến địa vị cao thượng hơn.

2. HAI SỰ THẬT: GIÁO LÝ ĐẠI BI

Không chỉ đức Thế Tôn vận dụng nguyên lý hai sự thật để thuyết

*. Giáo thọ khoa Triết học Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM.

pháp cho các hữu tình, mà các vị Bồ-tát Đại sĩ cũng bằng nguyên lý này mà làm lợi lạc cho các hữu tình, như kinh Đại Bát-nhã nói:

“Trong khi vị Bồ-tát Đại sĩ tu hành sự nghiệp Bát-nhã Ba-la-mật, vị ấy luôn an trụ hai Sự thật mà tuyên thuyết Chánh pháp cho các hữu tình. Những gì là hai? Đó là Sự thật quy ước (thế tục đế) và Sự thật siêu việt (thắng nghĩa đế)¹”.

Qua đoạn kinh cho thấy, Bồ-tát nguyện và Bồ-tát hành đi từ những hiện thực giữa đời thường, từ những chuyện mà các nhà Thiền thường gọi là “*gánh nước, bừa củi*”, bất cứ việc gì dưới nhãn quan của hai Sự thật, đều có thể trở thành phương tiện giáo dục hữu hiệu.

Mở đầu chương II của kinh *Nhập Lăng-già*, Bồ-tát Đại Huệ đã cảm hứng những vần thi kệ tán thán nguyên lý giáo dục của đức Thế Tôn:

1. Phật bằng trí-bi nhìn thế gian,
Nó như là hoa đốm hư không,
Không thể nói là sinh hay diệt,
Nên không thể nói hữu hay vô.
2. Phật bằng trí-bi nhìn thế pháp,
Thực tế nó như vật huyền ảo.
Do nó xa lìa nơi thức trí,
Nên không thể nói hữu hay vô.
3. Phật bằng trí-bi nhìn thế gian
Nó giống như là một cảnh mộng,
Không thể nói nó đoạn hay thường,
Nên không thể nói hữu hay vô.
4. Pháp thân tự tính như mộng huyền,

1. *Đại bát-nhã kinh* 392, tr. 1026c26: “菩薩摩訶薩修行般若波羅蜜多時，安住二諦為諸有情宣說正法。何謂二諦？謂世俗諦及勝義諦”。

Ở đó có gì để khen ngợi?
Tán lễ tức không nắm lấy hữu,
Cũng không nắm lấy vô tự tính.

5. Pháp hiện tồn nhưng không thể thấy,
Do nó siêu việt thức và cảnh,
Mâu-ni siêu việt pháp trần cảnh,
Nơi đó có gì đáng khen chê?
6. Phật bằng trí-bi lia hình sắc,
Lại chứng nhân - pháp đều vô ngã,
Do đây Phật thường hằng thanh tịnh,
Lìa phiền não chướng, sở tri chướng.
7. Phật không diệt ở trong Niết-bàn,
Cũng không trụ ở trong Niết-bàn,
Năng giác, sở giác thấy đều ly,
Cũng lại lìa nơi hữu, phi hữu.
8. Nếu ai thấy Mâu-ni như vậy,
Tịch tĩnh, viễn ly nơi sinh tử.
Người đó đời này và đời sau,
Thanh tịnh phước thủ và vô cấu².

2. P.L. Vaidya, Darbhanga: The Mithila Institute, 1963,

Buddhist Sanskrit Texts, No 3, tr. 10: *sadasannopalabdhaste prajñayā kṛpayā ca te // māyopamāḥ sarvadharmāḥ cittavijñānavarjitāḥ / sadasannopalabdhāste prajñayā kṛpayā ca te // śāśvatocchedavarjyaśca lokāḥ svapnopamaḥ sadā / sadasannopalabdhaste prajñayā kṛpayā ca te // māyāsvapnasvabhāvasya dharmakāyasya kaḥ stavaḥ / bhāvānāḥ niḥsvabhāvānāḥ yo 'nutpādaḥ sa sambhavaḥ // indriyārthavisamyuktamadṛśyaḥ yasya darśanam / praśamsā yadi vā nindā tasyocyeta katham mune // dharmapudgalanairātmyaḥ kleśajñeyaḥ ca te sadā / viśuddhamānimittena prajñayā kṛpayā ca te // na nirvāsi nirvāṇena nirvāṇaḥ tvayi samsthitam / buddhaboddhavyarahitam sadasatpakṣavarjitam // ye paśyanti munim śāntamevamutpattivarjitam / te bhonti nirupādānā ihāmutra nirañjanāḥ // Lank_2.1-8 //*

Thánh pháp Nhập Lăng-già Phạn bản Tân dịch, Phước Nguyên dịch & chú, Hồng Đức, 2019, tr. 52-53.

Một đường hướng giáo dục toàn thiện chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở hai Sự thật, được kết cố bởi chất liệu Bi và Trí. Giáo dục Phật giáo không phải hướng dẫn con người từ bỏ thế gian, mà để hướng dẫn con người đi vào cuộc đời, bắt đầu từ những sự rung cảm nhỏ nhiệm nhất đối với sự sống; Bồ-tát, kinh Phật gọi là *Bodhi-sattva*, các dụng ngữ Hán thường dịch là “Hữu tình giác”, mà nhiều nhà Phật học đã không ngại phá cách diễn thành: “Hữu: tình – giác”, tức hiện hữu bằng tình yêu và trí giác. Kiếp nhân sinh khốc liệt, chỉ có thể được xoa dịu trong cam lồ tịnh thủy:

“Phật động lòng thương kiếp đọa đày
 hóa thân làm tuyết bốn trời bay
 kết hoa sáu cánh sen mười trượng
 giọt tịnh-bình xoa dịu đắng cay³”.

(*Tuyết Trắng Gương Trong*)

“Cho hay giọt nước nhành dương
 Lửa lòng rưới tắt mọi đường trần duyên”.

(*Truyện Kiều*)

“Vắt tay nằm nghĩ cơ trần
 Nước duyên muốn rảy nguội dần lửa duyên”.

(*Cung oán ngâm khúc*)

Nguyên lý giáo dục trong Phật giáo đầy đủ hai chất liệu Bi & Trí trên nền tảng hai Sự thật, ôm lấy nỗi khổ niềm đau của người khác không cho nó lở loét trị liệu bằng đơn dược pháp yếu, khiến cho được phục hồi. Giáo dục Phật giáo giúp định hình một nền sức khỏe tâm linh cho nhân loại, là con đường giải phóng tâm linh thoát khỏi mọi sự nô lệ vào thần quyền, vật chất, phá vỡ mọi áp bức tư tưởng. Nếu cần có một cuộc cách mạng giáo dục, thì nguyên lý hai sự thật là đường hướng gợi ý tối ưu nhất.

3. Vũ Hoàng Chương, *Bút nở hoa đàm*, Vạn Hạnh, 1967.

3. BỐN THÁNH ĐẾ: TỪ THƯỜNG NGHIỆM ĐẾN SIÊU NGHIỆM

Sau khi chứng nghiệm quả vị Bồ-đề Vô thượng, đức Thế Tôn đã đến tại khu vườn nuôi nai (Skt. *vārāṇasī*, Pāli: *bārāṇasī*), khu Tiên nhân luận đàm (Skt. *Ṛṣrivadana*) chuyển vận bánh xe Chánh pháp:

“Phật nay ở tại Ba-la-nại-tử, Tiên nhân luận xứ, trong rừng Thí Lộc này, vì thương xót các chúng sinh ở thế gian, vì muốn làm cho họ thành tựu được cơ sở nghĩa lợi, thế nên đã ba lần chuyển Pháp luân, Pháp luân ấy đầy đủ mười hai hình thái, tất cả thế gian: Samôn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm v.v... đều không có khả năng như pháp mà chuyển vận. Do Phật chuyển vận Vô thượng Pháp luân này, nên Kiều-trần-na v.v... đã hiện quán Thánh đế, từ nay Thiên chúng dần dần tăng ích, chúng A-tổ-lạc sẽ dần dần giảm xuống, từ đó triển chuyển, chư Thiên và nhân loại đều thu hoạch lợi ích và an lạc thù thắng⁴”.

Tu tập giáo lý Thánh đế (Skt. *ārya-satya*), có ba giai đoạn:

i. Kinh *Chuyển pháp luân*⁵ khởi đầu thuyết minh: “*Đây là Khổ Thánh đế*” cho đến “*Đây là Khổ diệt đạo Thánh đế*”, nói theo thuật ngữ A-tì-đàm, đó là biểu thị cho kiến đạo. Tức chỉ rõ những sự thật thường nghiệm, giữa nhân sinh kiếp sống, điều mà con người có thể tư duy, thực nghiệm, bằng kinh nghiệm khổ đau giữa muôn trùng ảo hóa mà nhận thức từ đó tiến đến địa vị cao hơn trong quá trình tu tập.

ii. Tiếp theo Kinh lại nói: “*Khổ Thánh đế cần được biến tri bằng thắng tri*”, cho đến “*Khổ diệt đạo Thánh đế cần được tu bằng thắng tri*”, nói theo thuật ngữ A-tì-đàm đó là biểu thị tu đạo. Theo cấp độ nhận thức thông thường, không phải tư duy thông tục mà có thể nhận thức được bản chất, sự hoạt động của các pháp, mà phải bằng

4. 《阿毘達磨法蘊足論》卷6〈10 聖諦品〉：「佛今於此婆羅痾斯仙人論處施鹿林中，憐愍世間諸眾生故，欲令獲得利樂事故，三轉法輪，其輪具足十二相行。世間沙門及婆羅門天魔梵等，皆無有能如法轉者。由佛轉此無上法輪，憍陳那等已見聖諦。從今天眾漸當增益，阿素洛眾漸當損減。因斯展轉諸天及人，皆獲殊勝利益安樂。」(T26, no. 1537, p. 480a3-9). Bản Việt, Phước Nguyên dịch & chú, tr. 356.

5. Pāli: *Dhammacakka-pavattana-sutta*, PTS: SN. V. pp. 420–423; Vin. I. pp. 8–14.

thắng trí, tức bằng trí năng ưu việt mà quyết trạch các pháp, xuyên qua mạng lưới phiền não để nhìn thẳng vào yếu tính tồn tại thực sự của các pháp là gì?

iii. Giai đoạn thứ ba, tức lớp nhận thức sâu thẳm nhất bên trong, kinh nói: “*Khổ Thánh để đã được biến tri bằng thắng trí, cho đến, “Khổ diệt đạo Thánh để đã được tu bằng thắng trí”*”, thuật ngữ A-tì-đàm nói đó là biểu thị vô học đạo. Giai đoạn này đòi hỏi hành giả phải có một quá trình thực nghiệm và quán chiếu miên mật, xuyên suốt kéo dài, khi đã bằng trí năng ưu việt, hay huệ đặc sắc nhận thức các pháp rồi, hành giả phát triển khiến cho thắm nhuần, sung mãn, đạt đến chỗ tuyệt hảo của nhận thức. Bấy giờ lần lượt chứng đắc các Thánh quả, phá vỡ các lớp phiền não mà tự thân bị trâm tích trong đó, tiến đến các quả chứng siêu nghiệm, vượt ngoài tư duy vật lý thông thường.

Ba giai đoạn này, được đức Thích Tôn chuyển vận đầy đủ, khai mở một con đường đưa tư tưởng con người tiến bộ đến toàn diện, mà kinh gọi là “tam chuyển thập nhị hành tướng⁶”, vì vậy Pháp luân được mô tả như bánh xe có mười hai căm, biểu thị ba lần chuyển vận với bốn hành tướng.

Thứ lớp tu tập bốn Thánh đế này, được các nhà Duy thức triển khai qua năm giai đoạn gọi là “tiệm thứ ngộ nhập Duy thức tánh”:

“1. *Tư lương vị*: chuẩn bị hành trang, những tư liệu cần thiết, gồm phước và trí hữu lậu.

2. *Gia hành vị*, phân tích và gạn lọc những gì đã tích lũy trong hành trang.

3. *Thông đạt vị*, tổng hợp để có một nhận thức tổng quát về thực tại tối hậu giả định.

6. 三轉十二行相, Theo quan điểm Hữu Bộ nói mỗi một Thánh đế đều như vậy, tức tổng số 4 Thánh đế có 12 chuyển với 48 hành tướng. Ba chuyển 12 hành theo Sớ giải Pāli, *Dhammacakkappavattanasuttavaṇṇanā*, SA, PTS. iii. 198: *tiparivattānaṃ dvādasannaṃ ākāraṇaṃ*, trong bốn Thánh đế, mỗi đế có ba hành: (1) *saccañāṇaṃ*, đế trí (chân thật trí): “Nhận thức đây là Khổ Thánh đế”; (2) *kiccañāṇaṃ*, sự trí: đây cần biến tri; (3) *kataññāṇaṃ*, dĩ tác trí: đây đã được biến tri.

4. *Tu tập vị*, thực nghiệm từng phần hình ảnh đã tổng hợp.

5. *Cứu cánh vị*, thực nghiệm toàn diện. Đó là Vô thượng Bồ-đề⁷”.

Đường hướng giáo dục của Phật giáo có những lớp tuần tự như vậy, muốn giáo dục thành công, người thực hiện giáo dục phải nắm vững những nguyên tắc như vậy, đi từ những cái hiện thực, từng bước dẫn thính chúng, người học tiến đến những cái xa hơn, cao hơn, không thể bỏ bằng nhảy vọt những bước nền tảng. Từ những kinh nghiệm đời thường, người học mới có thể vận dụng để tư duy suy nghiệm, triển khai nhiều phương diện chi tiết của giáo nghĩa, từ đó mới lãnh hội và tu tập đúng đắn, tránh được những biến chứng, hay nói khác gọi là “tai biến” như là hệ quả sai lầm của các phương pháp giáo dục.

4. NĂM LỚP BỒ-ĐỀ: TỪ HIỆN THỰC ĐẾN CHỨNG NGHIỆM

Trong *Đại trí độ luận*, Hán dịch, quyển 53⁸, ngài Long Thọ đã trình bày con đường giáo dục từ hiện thực đến chứng nghiệm, qua năm lớp Bồ-đề⁹:

“Thứ nhất, phát tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề được phát khởi của chúng sanh đang trôi lăn trong vô lượng sanh tử. Đây chỉ là Bồ-đề trong ước nguyện; tâm ấy theo kết quả mong cầu mà gọi, chứ không phải là Bồ-đề chân thật.

Thứ hai, phục tâm Bồ-đề, tâm được gọi là Bồ-đề khi các phiền não ô nhiễm bị trấn áp, và thực hành các ba-la-mật; cũng chưa phải là Bồ-đề chân thật.

Thứ ba, minh Bồ-đề, đó là trí năng sáng suốt quán sát và phân tích tổng tướng và biệt tướng của các pháp, nhận thức được thể tánh thanh tịnh rốt ráo và yếu tính chân thật của tồn tại; đây là một phần Bồ-đề.

Thứ tư, xuất đáo Bồ-đề, do thành tựu Bát-nhã ba-la-mật, diệt trừ toàn diện các phiền não; trí năng không còn ô nhiễm.

7. Dẫn theo *Huyền thoại Duy-ma-cật*, TT. Tuệ Sỹ (2007), tr. 237.

8. T25n1509, tr. 438a3.

9. Ibid., TT. Tuệ Sỹ, tr. 237-238.

Thứ năm, Vô thượng Bồ-đề, khi đã thành Phật”.

Mục đích rốt ráo của con đường giáo dục là thành Phật, thành Phật là thành tựu mười phẩm tính giác ngộ của một vị Phật, biểu hiện đầy đủ mười phẩm tính đó, như vậy một vị thành Phật không phải là vị giác ngộ đơn độc và xa lìa thế gian mà vị đó nguyện bằng tâm tư vĩ đại đem lại an lạc và lợi ích cho tất cả. Bản nguyện của Bồ-tát được phát khởi từ tâm Đại Bi và tâm Bồ-đề. Phát khởi Bồ-đề tâm để tu tập, thực hành Bồ-tát đạo là tinh yếu của giáo dục Phật giáo. Nên, ở kinh *Hoa nghiêm*, Bồ-tát Di Lặc đã nói về hiệu năng của Bồ-đề tâm trong sự tu tập, hành Bồ-tát đạo cho Thiện Tài đồng tử:

“Bồ-đề tâm ví như hạt giống, vì nó có khả năng sinh khởi hết thấy Phật pháp; Bồ-đề tâm ví như ruộng phước, vì nó có khả năng nuôi dưỡng các pháp bạch tịnh; Bồ-đề tâm ví như cõi đất lớn, vì nó có khả năng nâng đỡ thế gian; Bồ-đề tâm ví như tịnh thủy, vì nó có khả năng thanh tẩy hết thấy cấu bợn phiền não; Bồ-đề tâm ví như gió lớn, vì nó thổi khắp thế gian không bị ngăn ngại; Bồ-đề tâm ví như lửa lớn, vì nó có khả năng thiêu rụi hết thấy rừng củi tà kiến; Bồ-đề tâm ví như vầng nhật thanh tịnh, vì nó soi chiếu khắp cả thế gian; Bồ-đề tâm ví như trăng rằm, vì các pháp thanh tịnh đều viên mãn; Bồ-đề tâm ví như ngọn đèn sáng, vì có khả năng phóng ra các loại ánh sáng Chánh pháp; Bồ-đề tâm ví như mắt sáng, vì thấy hết thấy cùng khắp mọi chốn an nguy; Bồ-đề tâm ví như con đường lớn, vì khiến tất cả đều được đi vào kinh thành đại trí, Bồ-đề-tâm như chánh đạo, vì làm cho viễn ly tà-pháp, Bồ-đề-tâm như cỗ xe lớn, vì có thể chuyển vận Bồ-tát, Bồ-đề-tâm như cửa ngõ, vì khai thị tất cả Bồ-tát hành¹⁰”.

10. Cf. Gaṇḍa, tr. 39617ff. bodhicittaṃ hi kulaputra bijabhūtaṃ sarvabuddhadharmānām / kṣetrabhūtaṃ sarvajagacchukladharmavirohaṇatayā, dharaṇibhūtaṃ sarvalokapratisāraṇatayā, vāribhūtaṃ sarvakleśamalanirdhāvanatayā, vāyubhūtaṃ sarvalokāniketatayā, agnibhūtaṃ sarvadṛṣṭyupādānakakṣanirdahanatayā, sūryabhūtaṃ sarvasattvabhavanāvabhāsanatayā, candrabhūtaṃ śukladharmamaṇḍalaparipūranatayā, pradīpabhūtaṃ dharmālokarāṇatayā, cakṣurbhūtaṃ samaviśamasamdarśanatayā, mārgabhūtaṃ sarvajñātanagarapraveśanatayā, tīrthabhūtaṃ kutīrthavivarjanatayā, yānabhūtaṃ sarvabodhisattvābhirohaṇatayā, dvārabhūtaṃ

Và cũng ở trong kinh *Hoa nghiêm*, Bồ-tát Pháp Tuệ đã nói với thiên đế Thích về sự phát khởi Bồ-đề tâm như sau:

“Vì muốn biết ngay thế giới vi tế chính là thế giới rộng lớn, thế giới rộng lớn chính là thế giới vi tế; biết ngay thiếu thế giới chính là đa thế giới, biết đa thế giới chính là thiếu thế giới; biết ngay thế giới rộng chính là thế giới hẹp, biết thế giới hẹp chính là thế giới rộng; biết ngay một thế giới chính là vô lượng, vô biên thế giới, biết vô lượng, vô biên thế giới chính là một thế giới; biết ngay vô lượng, vô biên thế giới ở vào trong một thế giới, biết một thế giới ở vào trong vô lượng, vô biên thế giới; biết ngay nơi thế giới ô nhiễm chính là thế giới thanh tịnh, biết ngay nơi thế giới thanh tịnh chính là thế giới ô nhiễm; ở trong một lỗ chân lông biết rõ ràng hết thấy thế giới, ở trong hết thấy thế giới biết rõ ràng bản tính của một lỗ chân lông; biết rõ từ nơi một thế giới xuất sinh hết thấy thế giới, biết rõ hết thấy thế giới đều như hư không; vì muốn ngay ở nơi một niệm biết hết thấy thế giới, biết rõ hết thấy thế giới không còn có sót bất cứ một thế giới nào, nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề¹¹”.

Như vậy, phát Bồ-đề tâm là do sự nhu cầu hiểu biết toàn diện, nói cách khác, phát Bồ-đề tâm là muốn thành tựu tuệ giác tuyệt đối của Phật, tức là thành tựu mục đích tối hậu của giáo dục Phật giáo¹². Không có Bồ-đề tâm, Đại bi và Đại trí sẽ không có cơ sở thành tựu, không có Đại bi và Đại trí, hai sự thật sẽ không được tuyên thuyết, không có hai Sự thật thì giáo lý không có nền tảng, từ đó giáo dục Phật giáo cũng sẽ không thành hình, cho nên Bồ-đề tâm là cốt lõi, là nguyên lý chỉ đạo của giáo dục Phật giáo. Chúng ta có thể đọc lại một đoạn trong *Thăng man giảng luận* như sau: *“Quy y như vậy là sự gieo xuống hạt giống Bồ-đề. Hạt giống Bồ-đề không được gieo vào một cánh đồng trù tượng nào xa xôi, cũng không chờ đợi để được gieo vào một vùng đất hứa thần thoại nào khác, mà nó được gieo xuống ngay*

sarvabodhisattvacaryāmukhapraveśanatayā. Tham chiếu, *Hoa-nghiêm* 59 (Đại 9, tr. 775).

11. Đại 9, tr. 450c, *Hoa Nghiêm* 9 (Phật-đà-bạt-đà-la).

12. Cf. *Giới thiệu nguồn gốc đức Phật A-di-đà* (cùng tác giả), 2018.

trên sa mạc sinh tử này, khô cằn với những đau khổ triển miên của chúng sinh này. Rồi hạt giống ấy cần phải được tưới bằng nước ngọt của từ bi để lớn mạnh, để đến thời trở hoa giác ngộ. Do đó, quá trình Quy, Giới, Nguyện và Hành của Bồ tát đạo là những giai đoạn gieo giống và vun tưới hạt giống Bồ-đề. Nói cách khác, phát Bồ-đề tâm và thành tựu Bồ-đề quả là trọn vẹn tất cả sự nghiệp của Bồ tát¹³". Chừng đó, cũng đủ để thấy được đường hướng giáo dục Phật giáo từ hiện thực đến chứng nghiệm được phác họa một cách rõ ràng từ cơ sở Bồ-đề tâm.

5. KẾT LUẬN

Vấn nạn mất cân bằng trên cán cân giáo dục Đông – Tây, đang được nhiều nhà nghiên cứu giáo dục quan tâm. Trước các vấn nạn giáo dục bị chỉ trích là “nặng về lượng, nhẹ về chất”, mà các nhà kinh tế học ví von là “lạm phát giáo dục”, hay gọi theo y khoa là “béo phì giáo dục”, đang trở nên đáng lo ngại. Sự trùng phùng giữa hai nền triết lý, cần được quan tâm, không nên quá vội vã xoá bỏ những giá trị giáo dục của các Thánh triết Đông Phương. Cần chú tâm đến việc nghiên cứu các Thánh điển Phương Đông, đòi hỏi việc phải chú tâm đào tạo các ngôn ngữ: Sanskrit, Pāli và Hán cổ. Song song là các sinh ngữ để tiếp cận và nắm bắt các nghiên cứu hàn lâm của các học giả Đông – Tây.

Phương tiện, không phải là kéo giáo lý Phật xuống để ngang bằng thời đại, pháp yếu mà đức Phật dạy vốn là như vậy, tùy thời tùy xứ mà vận dụng cho thích ứng. Đối với những ai suy lý thực tiễn, đức Phật dạy chân lý thường nghiệm, để họ thoả mãn nhu cầu hiểu biết, khát vọng tri kiến, sống an lạc trong kiếp phù sinh. Đối với những ai muốn vượt lên cái thường nghiệm, đức Phật dạy những chân lý siêu nghiệm, thoát ly mọi cố thủ và khát ái, đạt đến giải thoát giác ngộ chơn thật¹⁴.

Nếu cần một đường hướng cho giáo dục Phật giáo thì nguyên lý hai Sự thật, xây dựng trên cơ sở Bi tâm và Bồ-đề tâm, triển khai cụ

13. TT. Tuệ Sỹ, *Thăng man giảng luận*, tr. 22.

14. Xin xem, Tham luận Vesak 2019, *Nền tảng giáo dục Phật giáo*, cùng tác giả.



thể qua Bốn Thánh đế, thực thi qua các chi phần của Bát Thánh đạo, hy vọng đóng góp nhiều nguyên lý chỉ đạo cho con đường giáo dục tại Học viện Phật giáo Việt Nam trên bối cảnh hội nhập diễn đàn giáo dục toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

Buddhist Sanskrit Texts, No 3: Saddharmalaṅkāvatārasūtram, ed. by P.L. Vaidya, Darbhanga: The Mithila Institute, 1963, p. 10.

Buddhist Sanskrit Texts, No. 5: Gaṇḍavyūhasūtram, ed. by P.L. Vaidya., Darbhanga: The Mithila Institute, 1960, p. 396.

Taishō Tripiṭaka (大正新脩大藏經), Vol. 05, no. 0220a, 大般若波羅蜜多經 392, p. 1026c26.

Taishō Tripiṭaka (大正新脩大藏經), Vol. 26, no. 1537, 阿毘達磨法蘊足論 6, p. 480a3.

Phước Nguyên dịch và chú, *A-tì-đạt-ma Pháp uẩn túc luận*, 2018, tr. 350-357.

Vũ Hoàng Chương, *Bút nở hoa đàm*, Vạn Hạnh, 1967.

Phước Nguyên, *Giới thiệu Nguồn gốc A-di-đà*, 2018, tr. 235-237.

TT. Tuệ Sỹ, *Huyền thoại Duy-ma-cật*, Nxb. Phương Đông, 2007, tr. 237.

TT. Tuệ Sỹ, *Thắng man giảng luận*, Nxb. Phương Đông, 2012, tr. 33.

Phước Nguyên dịch & chú, *Thánh pháp Nhập Lăng-già kinh - Phạn bản tân dịch*, Nxb. Hồng Đức, 2019, tr. 51-52.